



## PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2017

- Thực hiện Quyết định số 247/QĐ-BTTTT ngày 06/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Ban hành Phương án điều tra khảo sát tình hình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT năm 2017

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo phiếu này được quy định tại Điều 10, 13 và 32 của Luật Thống kê.

- Phiếu thu thập thông tin này được sử dụng để xây dựng các chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển CNTT, các ấn phẩm nhằm quảng bá về tình hình phát triển công nghiệp và dịch vụ CNTT Việt Nam cũng như về doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ CNTT Việt Nam như: Sách trắng Công nghệ thông tin và Truyền thông 2017, Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin thương hiệu Việt... cũng như các báo cáo, ấn phẩm của Bộ Thông tin và Truyền thông.

### Nguyên tắc điền phiếu

Đối với những câu hỏi/mục lựa chọn, đề nghị đánh dấu X vào câu trả lời thích hợp nhất.

Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, đề nghị ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

### PHẦN A - THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

#### I. TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO (SAU ĐÂY GỌI TẮT CƠ SỞ) - viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

1. Tên tiếng anh (nếu có): **LY TU TRONG TECHNICAL COLLEGE OF HO CHI MINH CITY**

2. Tên viết tắt (nếu có):

3. Ngày thành lập:

**03/02/2005**

4. Cơ quan chủ quản

**Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh**

(Là cơ quan ra trực tiếp ra quyết định về điều lệ, tổ chức hoạt động)

5. Tổng số phòng ban:

**13**

6. Tổng số khoa đào tạo:

**09**

7. Số khoa đào tạo về CNTT-TT:

**01**

Trong đó gồm:

**1**

Khoa về CNTT

Tên cụ thể:

**Khoa Công nghệ thông tin**

Khoa về ĐTVT

Tên cụ thể:

### Ghi chú:

-Ngành đào tạo về công nghệ thông tin (CNTT) bao gồm: công nghệ kỹ thuật máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ truyền thông, Hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học máy tính, kỹ thuật máy tính, kỹ thuật phần mềm, Sư phạm tin học, tin học ứng dụng...

- Ngành đào tạo về điện tử viễn thông (ĐTVT) bao gồm: Kỹ thuật điện, Kỹ thuật viễn thông, Điện tử tin học, Hệ thống nhúng, Sư phạm điện tử, ...

#### II. ĐỊA CHỈ CƠ SỞ:

1. Tỉnh/ TP trực thuộc trung ương:

**Thành phố Hồ Chí Minh**

2. Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh):

**Quận Tân Bình**

3. Xã/phường/thị trấn:

**Phường 4**

4. Thôn, ấp (số nhà, đường phố):

**390 Hoàng Văn Thụ**

|                    |                                                   |                                         |
|--------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------|
|                    | Mã khu vực                                        | Số máy                                  |
| 5. Số điện thoại : | <input type="text" value="08"/>                   | <input type="text" value="38 440 567"/> |
| 6. Số fax :        | <input type="text" value="08"/>                   | <input type="text" value="38 118 676"/> |
| 7. Email :         | <input type="text" value="lytutrong@ltd.edu.vn"/> |                                         |

### III. LOẠI HÌNH TRƯỜNG, TRÌNH ĐỘ VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

#### 1. Loại trường

|                                     |                                      |                                                       |                                           |                                                     |
|-------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> 1. Đại học | <input type="checkbox"/> 2. Cao Đẳng | <input checked="" type="checkbox"/> 3. Trung cấp nghề | <input type="checkbox"/> 4. Cao đẳng nghề | <input type="checkbox"/> 5. Trung cấp chuyên nghiệp |
|-------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------|

#### 2. Loại hình đào tạo

|                                                 |
|-------------------------------------------------|
| <input checked="" type="checkbox"/> 1. Công lập |
| <input type="checkbox"/> 2. Dân lập             |
| <input type="checkbox"/> 3. Bán công            |
| <input type="checkbox"/> 4. Ngắn hạn            |
| <input type="checkbox"/> 5. Loại khác (ghi rõ)  |

#### 3. Hình thức đào tạo

|                                                  |
|--------------------------------------------------|
| <input checked="" type="checkbox"/> 1. Chính quy |
| <input type="checkbox"/> 2. Vừa học vừa làm      |
| <input type="checkbox"/> 3. Từ xa                |
| <input type="checkbox"/> 4. Trực tuyến           |
| <input type="checkbox"/> 5. Loại khác (ghi rõ)   |

#### 4. Trình độ đào tạo

|                                                                |
|----------------------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> 1. Tiến sĩ                            |
| <input type="checkbox"/> 2. Thạc sĩ                            |
| <input type="checkbox"/> 3. Đại học                            |
| <input checked="" type="checkbox"/> 4. Cao đẳng                |
| <input checked="" type="checkbox"/> 5. Trung cấp chuyên nghiệp |
| <input checked="" type="checkbox"/> 6. Cao đẳng nghề           |
| <input checked="" type="checkbox"/> 7. Trung cấp nghề          |
| <input checked="" type="checkbox"/> 8. Chứng chỉ               |

#### 5. Phương thức đào tạo

|                                                         |
|---------------------------------------------------------|
| <input checked="" type="checkbox"/> 1. Niên chế         |
| <input checked="" type="checkbox"/> 2. Tín chỉ          |
| <input type="checkbox"/> 3. Kết hợp niên chế và tín chỉ |
| <input type="checkbox"/> 4. Loại khác (ghi rõ)          |

### IV. THÔNG TIN VỀ HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

|                           |                                                                            |                                          |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1. Họ và tên:             | <input type="text" value="PHẠM HỮU LỘC"/>                                  |                                          |
|                           | Mã khu vực                                                                 | Số máy                                   |
| 2. Số điện thoại cố định: | <input type="text" value="08"/>                                            | <input type="text" value="38 44 11 98"/> |
| 3. Số điện thoại di động  | <input type="text" value="0903 828 252"/>                                  |                                          |
| 4. Hộp thư điện tử        | <input type="text" value="phamhuuloc@ltd.edu.vn; phamhuulocltd@yahoo.co"/> |                                          |

### PHẦN B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

#### I. HỌC SINH, SINH VIÊN, HỌC VIÊN

##### 1. Chỉ tiêu tuyển sinh cho Ngành (Ghi rõ chỉ tiêu cho từng ngành cụ thể)

##### 1.1 Ngành CNTT

##### a. Tiến sĩ:

|                      |                      |                      |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Năm 2015             | Năm 2016             | Năm 2017             |
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |

|                             |     |     |     |
|-----------------------------|-----|-----|-----|
| b. Thạc sĩ:                 |     |     |     |
| c. Đại học:                 |     |     |     |
| d. Cao đẳng:                | 450 | 700 | 700 |
| e. Trung cấp chuyên nghiệp: | 100 | 100 | 200 |
| f. Cao đẳng nghề:           | 60  | 60  |     |
| g. Trung cấp nghề:          | 50  | 50  |     |
| h. Chứng chỉ tốt nghiệp:    |     |     |     |

## 1.2 Ngành ĐTVT

|                             | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|-----------------------------|----------|----------|----------|
| a. Tiến sĩ:                 |          |          |          |
| b. Thạc sĩ:                 |          |          |          |
| c. Đại học:                 |          |          |          |
| d. Cao đẳng:                |          |          |          |
| e. Trung cấp chuyên nghiệp: |          |          |          |
| f. Cao đẳng nghề:           |          |          |          |
| g. Trung cấp nghề:          |          |          |          |
| h. Chứng chỉ tốt nghiệp:    |          |          |          |

## 2. Số lượng nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên, học viên thực tế được tuyển (Ghi rõ số lượng sinh học viên, sinh viên được tuyển trong từng ngành)

### 2.1 Ngành CNTT

|                             | Năm 2015 | Năm 2016 |
|-----------------------------|----------|----------|
| a. Tiến sĩ:                 |          |          |
| b. Thạc sĩ:                 |          |          |
| c. Đại học:                 |          |          |
| d. Cao đẳng:                | 374      | 389      |
| e. Trung cấp chuyên nghiệp: | 73       | 132      |
| f. Cao đẳng nghề:           |          |          |
| g. Trung cấp nghề:          | 127      | 119      |
| h. Chứng chỉ tốt nghiệp:    |          |          |

### 2.2 Ngành ĐTVT

|                             | Năm 2015 | Năm 2016 |
|-----------------------------|----------|----------|
| a. Tiến sĩ:                 |          |          |
| b. Thạc sĩ:                 |          |          |
| c. Đại học:                 |          |          |
| d. Cao đẳng:                |          |          |
| e. Trung cấp chuyên nghiệp: |          |          |



|                          |                      |                      |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| f. Cao đẳng nghề:        | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| g. Trung cấp nghề:       | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| h. Chứng chỉ tốt nghiệp: | <input type="text"/> | <input type="text"/> |

**3. Số lượng nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên, học viên đang theo học tại cơ sở đào tạo (Ghi rõ số lượng nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên được tuyển trong từng ngành)**

|                             |                      |                      |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>3.1 Ngành CNTT</b>       | <b>Năm 2015</b>      | <b>Năm 2016</b>      |
| a. Tiến sĩ:                 | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| b. Thạc sĩ:                 | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| c. Đại học:                 | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| d. Cao đẳng:                | 633                  | 838                  |
| e. Trung cấp chuyên nghiệp: | 93                   | 212                  |
| f. Cao đẳng nghề:           | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| g. Trung cấp nghề:          | 127                  | 231                  |
| h. Chứng chỉ tốt nghiệp:    | <input type="text"/> | <input type="text"/> |

|                             |                      |                      |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>3.2 Ngành ĐTVT</b>       | <b>Năm 2015</b>      | <b>Năm 2016</b>      |
| a. Tiến sĩ:                 | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| b. Thạc sĩ:                 | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| c. Đại học:                 | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| d. Cao đẳng:                | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| e. Trung cấp chuyên nghiệp: | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| f. Cao đẳng nghề:           | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| g. Trung cấp nghề:          | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| h. Chứng chỉ tốt nghiệp:    | <input type="text"/> | <input type="text"/> |

**4. Số lượng nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên tốt nghiệp hàng năm (Ghi rõ số lượng nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên tốt nghiệp của từng ngành)**

|                             |                      |                      |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>4.1 Ngành CNTT</b>       | <b>Năm 2015</b>      | <b>Năm 2016</b>      |
| a. Tiến sĩ:                 | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| b. Thạc sĩ:                 | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| c. Đại học:                 | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| d. Cao đẳng:                | 134                  | 135                  |
| e. Trung cấp chuyên nghiệp: | 23                   | 25                   |
| f. Cao đẳng nghề:           | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| g. Trung cấp nghề:          | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| h. Chứng chỉ tốt nghiệp:    | <input type="text"/> | <input type="text"/> |

|                       |                 |                 |
|-----------------------|-----------------|-----------------|
| <b>4.2 Ngành ĐTVT</b> | <b>Năm 2015</b> | <b>Năm 2016</b> |
|-----------------------|-----------------|-----------------|

|                             |                      |                      |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| a. Tiến sĩ:                 | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| b. Thạc sĩ:                 | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| c. Đại học:                 | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| d. Cao đẳng:                | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| e. Trung cấp chuyên nghiệp: | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| f. Cao đẳng nghề:           | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| g. Trung cấp nghề:          | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| h. Chứng chỉ tốt nghiệp:    | <input type="text"/> | <input type="text"/> |

## II. SỐ LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CNTT (chỉ thống kê các giảng viên cơ hữu của trường, không tính các giảng viên thỉnh giảng)

### 1. Ngành CNTT (Đơn vị tính: Người)

|                  | Năm 2016                        |
|------------------|---------------------------------|
| a. Giáo sư       | <input type="text"/>            |
| b. Phó Giáo sư   | <input type="text"/>            |
| c. Tiến sĩ       | <input type="text"/>            |
| c. Thạc sĩ       | <input type="text" value="11"/> |
| d. Kỹ sư/cử nhân | <input type="text" value="16"/> |

### 2 Ngành ĐTVT (Đơn vị tính: Người)

|                  | Năm 2016             |
|------------------|----------------------|
| a. Giáo sư       | <input type="text"/> |
| b. Phó Giáo sư   | <input type="text"/> |
| c. Tiến sĩ       | <input type="text"/> |
| c. Thạc sĩ       | <input type="text"/> |
| d. Kỹ sư/cử nhân | <input type="text"/> |

## III. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO (Đơn vị tính: %)

|                                                                                                                   | Năm 2016                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| Tỷ lệ sinh viên CNTT sau 01 năm tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành (kể cả tự kinh doanh đúng chuyên ngành): | <input type="text" value="85,6%"/> |
| Tỷ lệ sinh viên CNTT tốt nghiệp có chứng chỉ quốc tế về CNTT (như CCNA, MCSP, Compti A...)                        | <input type="text"/>               |
| Tỷ lệ sinh viên CNTT tốt nghiệp có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (TOEIC, IELTS, TOEFL...)                           | <input type="text"/>               |
| Tỷ lệ sinh viên CNTT tốt nghiệp có chứng chỉ đạt Chuẩn kỹ năng quốc tế về CNTT (như FE, IP...)                    | <input type="text"/>               |

5. Tỷ lệ sinh viên CNTT tốt nghiệp đã qua đào tạo các khóa kỹ năng mềm (thuyết trình, làm việc nhóm...)

100%

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (Về chính sách của nhà nước)

Ghi chú: - Đánh dấu X vào các phần dưới đây và nêu cụ thể các đề xuất tương ứng  
- Trường hợp không có đề xuất, kiến nghị gì thì kết thúc phiếu điều tra

☐ 1. Chính sách hỗ trợ

☐ 2. Chương trình đào tạo

☐ 3. Kinh phí

☐ 4. Nguồn nhân lực

☐ 5. Nội dung khác

Người trả lời phiếu

Ký: 

Họ và tên: Lư Hoàng Hải Yến

Số điện thoại: 0939 45 27 37

Email: haiyen2985@gmail.com

Tp. Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 4 năm 2017

Đại diện cơ sở đào tạo

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Phạm Hữu Lộc